

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày 30 – 5– 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hữu Dụng.

2. Bà Phạm Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thông, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/HS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: ĐỖ ĐÌNH N2; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/6/1994 tại thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 11/12; Hộ khẩu thường trú: 686/78/18 Cách mạng tháng T, Phường E, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: F H, Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Con ông: Đỗ Mạnh N (sinh năm 1956) và bà: Đinh Thị Minh N1 (sinh năm 1961), cùng trú tại: 686/78/18 Cách mạng tháng T, Phường E, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh, em; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không. Tiền sự: 01 (Chấp hành Quyết định số 401 ngày 20/12/2021, của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện P từ tháng 9/2021 - 12/2022).

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ ngày 11/4/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt

2. Họ tên: NGUYỄN HỮU TẤN D1; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/11/1994 tại tỉnh : Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề

nghề: Phụ xe; Trình độ học vấn: 9/12; Nơi thường trú: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; con ông Nguyễn Hữu D (sinh năm 1969) và bà Nguyễn Thị K (sinh năm 1974), cùng trú tại: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo là con đầu trong gia đình có 05 anh, em; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không; Tiền sự: 01 (Chấp hành Quyết định số 395 ngày 17/12/2021, của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện P từ tháng 9/2021-11/2022).

Bị can bị bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ ngày 11/4/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt.

3. Họ tên: TRẦN HỒNG C; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 27/3/1971 tại thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nơi thường trú: 766/83/27A đường Cách mạng tháng Tám, tổ dân phố C, khu phố C, Phường E, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Họ tên cha: Trần Văn Đ (đã chết); Họ tên mẹ: Trần Thị K1 (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

- Bị cáo có vợ: Trần Thị Hồng H (sinh năm 1968), trú tại: G Cách mạng tháng Tám, phường E, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005.

- Tiền án: 02; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 28/02/2014, Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, tại bản án số 38/2014/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/4/2015 (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 28/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, tại bản án số 49/2016/HSST (Bị cáo kháng cáo, tại bản án phúc thẩm số 07/2017/HSPT ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 08 năm tù). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2022 (Chưa được xóa án tích).

- Ngày 30/4/2023, Trần Hồng C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2023. Ngày 07/11/2023, bị toà án nhân dân Quận 3 xử phạt 08 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, tại bản án số 92/2023/HS-ST, bị can đang

chấp hành án tại Trại giam C2, tỉnh Tây Ninh. Ngày 28/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã di lý bị cáo Trần Hồng C về Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Đỗ Đình N2 và Nguyễn Hữu Tấn D1 đều là người nghiện ma túy đá, quen biết nhau khi cùng chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện P thuộc huyện L, tỉnh Đồng Nai, sau khi chấp hành xong quyết định cai nghiện, D1 và N2 vẫn giữ liên lạc với nhau. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên N2 đã nảy sinh ý định mua ma túy đá để cùng D1 bán kiếm tiền lời. Cách ngày D1 và N2 bị bắt khoảng 10 ngày, có một người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo có tên “Ngọc V” liên lạc với D1 qua tài khoản Zalo “Duy N3” để hỏi mua ma túy đá, D1 nói với V là để D1 hỏi xem rồi trả lời sau. Sau đó, D1 đi xe khách đến thành phố Hồ Chí Minh gặp N2 hỏi N2 có bán ma túy đá không, có người ở thành phố B muốn mua thì N2 nói có và đồng ý bán. Sau khi trao đổi với N2, D1 liên lạc báo cho V biết “một hộp mười (khoảng 10gam) ma túy đá giá 6.000.000 đồng” và hỏi V mua số lượng bao nhiêu thì V nói “có bao nhiêu mua bấy nhiêu”, trong lúc nói chuyện điện thoại, D1 đọc số điện thoại của N2 cho V để cả hai liên lạc, trao đổi với nhau cho thuận tiện. Đến ngày 08/4/2023, V sử dụng số điện thoại 0706089044 liên lạc với N2 số điện thoại 0583648606 hỏi mua 04 hộp mười ma túy đá, N2 đồng ý bán và báo giá 24.000.000 đồng. Cả hai thỏa thuận gặp nhau tại thành phố B để giao dịch mua bán ma túy. Sau đó, N2 liên lạc với Trần Hồng C (sinh năm 1971), hộ khẩu thường trú: số G C, phường E, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh qua ứng dụng Z (số Đ) hỏi mua 04 hộp mười ma túy đá, C đồng ý báo giá 3.200.000 đồng/hộp mười, tổng cộng là 12.800.000 đồng, N2 đồng ý mua. Đến sáng ngày 10/4/2023, C gặp N2 tại khu vực đường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, N2 đưa số tiền 3.300.000 đồng và sử dụng tài khoản ngân hàng của Đỗ Đình N2 (005704060206985 – Ngân hàng Q1) chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Trần Hồng C (0333875015 – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2) số tiền 2.700.000 đồng, sau khi nhận được số tiền 6.000.000 đồng từ Nguyên, C đưa cho N2 01 hộp giấy bên trong có 01 gói nylon chứa 02 bịch ma túy đá, số tiền còn lại N2 nói sẽ trả cho C sau khi bán được chất ma túy. Cũng trong ngày 10/4/2023, N2 chuyển số tiền 1.200.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho Trần Hồng C, tổng cộng N2 đã trả cho C số tiền 7.200.000 đồng tiền mua chất ma túy, số tiền N2 còn nợ lại C là 5.600.000 đồng. Sau đó, N2 liên lạc với D1 số điện thoại 0794521215 thì D1 hẹn N2 đi xe khách đến huyện Đ, tỉnh Đắk Nông gặp D1 vì D1 đang làm phụ xe tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng 20 giờ 00 ngày 10/4/2023, N2 đến huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, xuống xe thì được

D1 đón vào một khách sạn để nghỉ ngơi. Tại đây, N2 bỏ hộp giấy bên trong có 01 gói nylon chứa 02 bịch ma túy đá ra giường cho D1 xem và nói với D1 là khi nào bán được ma túy sẽ cho D1 một ít tiền, D1 đồng ý. Vào khoảng 06 giờ 00 ngày 11/4/2023, cả hai đón xe khách mang chất ma túy từ huyện Đ, tỉnh Đắk Nông lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán cho V. Đến khoảng 10 giờ 00 ngày 11/4/2023, khi cả hai đang ở trong phòng 306 nhà nghỉ M địa chỉ 46 – D T, phường T, thành phố B thì bị Công an thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt giữ cùng số ma túy. Xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Hữu Tấn D1 và Đỗ Đình N2 kết quả dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số: 472/KL-KTHS ngày 19/4/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon tạm giữ của Đỗ Đình N2 và Nguyễn Hữu Tấn D1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 37,9717gam, loại: Methamphetamine.

Mở rộng điều tra vụ án xác định, Trần Hồng C (sinh năm 1971), HKTT: 766/83/27A Đường C, tổ dân phố C, khu phố C, Phường E, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh là người đã bán chất ma túy cho Đỗ Đình N2. Ngày 15/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Hồng C về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 3, điều 251 BLHS; Ra Lệnh khám xét chỗ ở của Trần Hồng C tại số G đường C, tổ dân phố C, khu phố C, Phường E, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình thực hiện lệnh bắt và khám xét chỗ ở của Trần Hồng C, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ được Công an P1, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh thông tin ngày 30/4/2023, Trần Hồng C bị Công an Q, thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 10/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Trần Hồng C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2, Điều 249 BLHS. Ngày 07/11/2023, Toà án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Hồng C 08 năm tù giam tại bản án số 92/2023/HS-ST. Trần Hồng C đang chấp hành án phạt tù tại Trại Giam C2 – Bộ C3 đóng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Ngày 28/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã di lý bị can Trần Hồng C từ Trại Giam C2 về Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk để tiến hành điều tra.

Bản cáo trạng số 62/CT-VKS-P2 ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Đỗ Đình N2, Nguyễn Hữu Tấn D1, Trần Hồng C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Đỗ Đình N2**, **Nguyễn Hữu Tấn D1**, **Trần Hồng C** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Đình N2** 16 đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Tấn D1**: 16 đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Hồng C**: 17 đến 18 năm tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt 08 năm tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy của Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2023/HS- ST ngày 07 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 36,8984 gam ma túy loại: Methamphetamine cùng bao gói (Mẫu vật còn lại sau giám định); sim số 0583648606; 0775950991 của **Đỗ Đình N2** và sim số 0794521215 của **Nguyễn Hữu Tấn D1** sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng, số imei: 355730077841909, màn hình điện thoại bị vỡ của **Nguyễn Hữu Tấn D1** và 01 điện thoại di động kiểu dáng Vivo màu xanh, số imei: 86260049624035 của **Đỗ Đình N2** là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.200.000 đồng của **Trần Hồng C** thu lợi bất chính từ việc bán chất ma túy cho **Đỗ Đình N2**

Trả cho bị cáo **Đỗ Đình N2** 01 chứng minh nhân dân mang tên **Đỗ Đình N2**.

Người bào chữa cho bị cáo **Trần Hồng C** trình bày: Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo **Đỗ Đình N2** và **Nguyễn Hữu Tấn D1** trình bày: Bị cáo **Đỗ Đình N2** có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo **N2** và bị cáo **D1** có vai trò khác nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, việc đại diện Viện Kiểm sát đề

ngiht mức hình phạt bằng nhau đối với bị cáo N2 và bị cáo D1 là không phù hợp, cần xem xét áp dụng cho bị cáo D1 mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo N2, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Đình N2 và bị cáo Nguyễn Hữu Tấn D1.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư, không tranh luận gì thêm và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa

[2.1] Đối với lời khai của bị cáo Đỗ Đình N2, Nguyễn Hữu Tấn D1: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Hồng C: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng: Bị cáo không bán ma túy cho Đỗ Đình N2, bị cáo và N2 quen biết nhau, bị cáo có cho N2 vay 50.000.000 đồng, N2 đã trả số tiền vay cho bị cáo nhưng N2 còn nợ lại 15.000.000 đồng. Lời khai này của bị cáo không phù hợp với sao kê tài khoản ngân hàng mà cơ quan điều tra thu thập được. Số tiền bị cáo N2 chuyển khoản cho bị cáo không đúng với lời khai của bị cáo. Bị cáo C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Theo dữ liệu chi tiết các cuộc gọi, thông tin chủ thuê bao 0333875015 bị cáo Trần Hồng C liên lạc với bị cáo N2 qua số điện thoại 0583648606. Bị cáo Nguyễn khai: Ngày 10/4/2023, C gặp bị cáo tại khu vực đường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đưa số tiền 3.300.000 đồng và sử dụng tài khoản ngân hàng của bị cáo (005704060206985 – Ngân hàng Q1) chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Trần Hồng C (0333875015 – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2) số tiền 2.700.000 đồng, sau khi nhận được số tiền 6.000.000 đồng từ bị cáo, C đưa cho bị cáo 01 hộp giấy bên trong có 01 gói nylon chứa 02 bạch ma túy đá, số tiền còn lại bị cáo nói sẽ trả cho C sau khi bán được chất ma túy. Cũng trong ngày 10/4/2023, bị cáo chuyển số tiền 1.200.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho Trần Hồng C, tổng cộng bị cáo đã trả cho C số tiền 7.200.000 đồng tiền mua chất ma túy.

Lời khai của bị cáo N2 phù hợp với sao kê tài khoản ngân hàng và phù hợp với tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được. Mặc khác, qua đối chất bị cáo Đỗ Đình N2 xác định bị cáo C là người trực tiếp bán ma túy cho bị cáo. Như vậy, lời khai của bị Đỗ Đình N2 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Hồng C thừa nhận hành vi bán 37,9717 gam chất ma túy loại Methamphetamine cho Đỗ Đình N2 vào chiều ngày 10/4/2023 với giá 12.800.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, lời khai của bị cáo Đỗ Đình N2, dữ liệu điện tử, dữ liệu tài khoản ngân hàng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ, nhận định nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, hám lợi bất chính, nên ngày 10/4/2023, Đỗ Đình N2 mua của Trần Hồng C 37,9717 gam chất ma túy loại Methamphetamine với số tiền 12.800.000 đồng (N2 đã trả trước 7.200.000 đồng). Sau khi mua được chất ma túy, ngày 11/4/2023, Đỗ Đình N2 mang chất ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh và cùng với Nguyễn Hữu Tấn D1 bán cho một người phụ nữ tên V (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với giá 24.000.000 đồng, khi cả hai đang ở phòng 306 nhà nghỉ M địa chỉ 46 – D T, phường T, thành phố B, đề chờ bán cho người phụ nữ tên V thì bị Công an phát hiện bắt giữ.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Đỗ Đình N2, Nguyễn Hữu Tấn D1, Trần Hồng C về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

b) Heroine, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;”

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đủ năng lực hành vi để nhận thức được rằng các loại dược chất ma túy đều thuộc sự độc quyền quản lý của Nhà nước, thông qua cơ quan chức năng có thẩm quyền và phải tuân theo những trình tự, thủ tục nghiêm ngặt; mọi hành vi mua bán trái phép chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc nhưng vì muốn kiếm lời mà các bị cáo bất chấp pháp luật. Do đó cần cách ly các bị cáo một thời gian nhất định mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện các hành vi phạm tội với vai trò khác nhau, với tính chất, mức độ và vai trò khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức

hình phạt phù hợp cho từng bị cáo. Đối với bị cáo Đỗ Đình N2 và bị cáo Nguyễn Hữu T D1 thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo D1 là người rủ rê từ ban đầu, tuy nhiên, bị cáo N2 lại là người thực hành tích cực trực tiếp mua bán từ bị cáo C nhằm mục đích kiếm lời. Do đó, hành vi của bị cáo N2 có tính chất táo bạo hơn nên cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo phải cao hơn bị cáo D1 là phù hợp.

Bị cáo Trần Hồng C là người trực tiếp bán ma túy cho bị cáo N2. Bản thân bị cáo là đối tượng có 02 tiền án về hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục có hành vi mua bán trái phép chất ma túy vì vậy bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải cao hơn đối với bị cáo N2 và bị cáo D1 để thể hiện sự công bằng giữa bị cáo với nhau trong cùng một vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Đình N2, Nguyễn Hữu Tấn D1 không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Trần Hồng C thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N2 và D1 đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho các bị cáo khi xem xét lượng hình. Đối với bị cáo N2 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo để áp dụng khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy:

+ 36,8984 gam ma túy loại: Methamphetamine cùng bao gói (Mẫu vật còn lại sau giám định); sim số 0583648606; 0775950991 của Đỗ Đình N2 và sim số 0794521215 của Nguyễn Hữu Tấn D1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng, số imei: 355730077841909, màn hình điện thoại bị vỡ của Nguyễn Hữu Tấn D1 và 01 điện thoại di động kiểu dáng Vivo màu xanh, số imei: 86260049624035 của Đỗ Đình N2 là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.200.000 đồng của Trần Hồng C thu lợi bất chính từ việc bán chất ma túy cho Đỗ Đình N2

Trả cho bị cáo Đỗ Đình N2 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Đình N2.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ tên “V” ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỏi mua chất ma túy của Đỗ Đình N2 và Nguyễn Hữu Tấn D1, hành vi của người này có dấu hiệu của tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 251 BLHS. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã áp dụng các biện pháp điều tra, nhưng chưa xác định được nhân

thân lai lịch của người này, do đó tiếp tục xác minh, khi có đủ cơ sở sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Đình N2 và Nguyễn Hữu Tấn D1, ngày 14/4/2023 Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

[9] Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu Tấn D1 là không phù hợp.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Đình N2, Nguyễn Hữu Tấn D1, Trần Hồng C phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Đỗ Đình N2** 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11 tháng 4 năm 2023.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Tấn D1**: 15 (Mười lăm) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11 tháng 4 năm 2023.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Hồng C**: 16 (Mười sáu) năm 06 (S) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt 08 năm tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy của Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2023/HS- ST ngày 07 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo Trần Hồng C phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 24 (Hai mươi bốn) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30/4/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi giám định: 36,8984 gam ma túy loại: Methamphetamine cùng bao gói (Mẫu vật còn lại sau giám định); sim số 0583648606; 0775950991 của Đỗ Đình N2 và sim số 0794521215 của Nguyễn Hữu Tấn D1 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone màu vàng, số imei: 355730077841909, màn hình điện thoại bị vỡ của Nguyễn Hữu Tấn D1 và 01 điện thoại di động kiểu dáng Vivo màu xanh, số imei: 86260049624035 của Đỗ Đình N2 là phương tiện các bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.200.000 đồng của Trần Hồng C thu lợi bất chính từ việc bán chất ma túy cho Đỗ Đình N2

- Trả cho bị cáo Đỗ Đình N2 01 chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Đình N2.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đỗ Đình N2, Nguyễn Hữu Tấn D1, Trần Hồng C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền